

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÁT XÁT
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2023/HSST
Ngày 06/9/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁT XÁT - TỈNH LÀO CAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tường Thị Tuyết

Ông Lương Văn Thắng

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Minh Lý – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Trung Hải- Kiểm Sát Viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 40/2023/TLST- HS ngày 18 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2023/QĐXXST- HS ngày 25 tháng 8 năm 2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lưu Công D**; giới tính: Nam; tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 04/4/1993 tại huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai;

Nơi thường trú: Thôn A, xã S, huyện B, Lào Cai.

Nơi ở hiện tại: Thôn P, xã T, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Lưu Quang L, sinh năm 1964 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1964; cùng trú tại: Thôn A xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai; Vợ: Phạm Thị N, sinh năm 1998, trú tại: Thôn A, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai; có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án: không; Tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/4/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai - có mặt.

* ***Bị hại:*** Anh Vũ Văn S, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Tổ 05, thị trấn B, huyện B, tỉnh L- vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Phạm Thị N;

Địa chỉ: Thôn A, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai- Có mặt.

* Những người làm chứng:

+ Anh Đinh Vinh Q;

Địa chỉ: Thôn P, xã T, thành phố L, tỉnh Lào Cai- VẮNG MẶT.

+ Anh Hoàng Trung K;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, thành phố L, tỉnh Lào Cai- VẮNG MẶT.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 00 ngày 26/4/2023, bị cáo D đang ở nhà trọ tại thôn Phời 1, xã Tả Phời, thành phố Lào Cai thì nảy sinh ý định đi đến thị trấn Bát Xát, huyện Bát Xát để trộm cắp tài sản lấy tiền tiêu xài. Bị cáo liền chuẩn bị một máy hàn điện và một chiếc kìm có cán nhựa màu đỏ, một đôi gang tay màu đen cho vào trong balo màu đen, rồi gọi điện thuê anh Hoàng Trung K lái xe taxi chở bị cáo mang theo chiếc balo đến khu vực bờ hồ thị trấn Bát Xát, huyện Bát Xát. Khi đến nơi bị cáo trả tiền xe hết 400.000 đồng. Sau đó bị cáo ngồi uống nước ở khu vực bờ hồ chờ đến khoảng 23 giờ 45 phút cùng ngày, bị cáo đi bộ đến cổng trụ sở Liên cơ quan huyện Bát Xát thì thấy cổng không khép kín nên đi vào. Để tránh bị phát hiện, bị cáo lấy đôi gang tay trong balo đeo vào rồi trèo từ cửa sổ phía bên phải cửa ra vào bộ phận một cửa để lên hiên tầng 2 rồi đi đến cửa phòng làm việc bộ phận Ngân sách thuộc Phòng Tài chính - kế hoạch huyện Bát Xát. Tại đây bị cáo lấy kìm bẻ phần nhựa xung quanh ổ khóa trong khoảng 2 giờ thì ổ khóa bị rời ra rơi vào phía bên trong phòng nhưng vẫn không mở được. Bị cáo D đi đến cửa sổ phòng làm việc bên cạnh thì thấy cửa sổ mở được, bên trên bàn làm việc cạnh cửa sổ có 01 con dao có cán bằng gỗ (loại dao gọt hoa quả) bị cáo liền thò tay vào lấy con dao rồi mang sang tháo ốc vít khung cửa sổ bằng sắt của phòng làm việc bộ phận Ngân sách rồi trèo vào bên trong phòng. Thấy có chiếc kết sắt đặt sát cửa sổ, bị cáo dùng máy hàn điện đục thủng một lỗ tại mặt bên phải kết sắt cách chân kết khoảng 40cm rồi dùng hai tay lật kết sắt nhiều lần để cát bên trong kết chảy hết ra ngoài. Sau đó tiếp tục dùng máy hàn để phá mặt bên phải của kết sắt được khoảng 15 phút, chưa kịp lấy được tài sản gì thì bị Công an thị trấn Bát Xát phát hiện đưa về trụ sở Công an thị trấn Bát Xát để làm việc.

Quá trình điều tra Lưu Công D khai nhận ngoài lần trộm cắp nêu trên thì bị cáo đã 02 lần trộm cắp tài sản tại Phòng tài chính kế hoạch huyện Bát Xát vào các ngày 21/3/2023 và ngày 21/4/2023 cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 20 giờ 00 ngày 21/3/2023, bị cáo Lưu Công D thuê Hoàng Trung K lái xe taxi chở đến bờ hồ trung tâm thị trấn Bát Xát để chơi. Sau khi trả tiền xe D đi bộ xung quanh hồ đến khoảng 00 giờ 15 phút ngày 22/3/2023 bị cáo nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản lấy tiền tiêu xài cá nhân. Khi đi đến trụ sở liên cơ quan huyện Bát Xát tại tổ 4, thị trấn Bát Xát thì thấy cổng không đóng kín liền đi vào bên trong. Thấy cửa sổ bên phải cửa ra vào khu vực bộ phận một cửa đang mở hé, bị cáo liền trèo lên cửa sổ rồi đi men qua mép tường đến khu vực hiên tầng 2 rồi trèo vào hành lang sau đi bộ theo cầu thang xuống tầng 1. Thấy cửa bên trái khu vực bộ phận một cửa không khóa, bị cáo liền đi vào bên trong lục các tủ để tìm tài sản trộm cắp nhưng không lấy được gì. Sau đó bị cáo đi lên tầng 3, dùng tô vít cạy cửa 3 phòng làm việc nhưng

không vào được, bị cáo tiếp tục đi đến phòng làm việc của ông Vũ Văn S dùng tô vít mang theo cây khoá cửa một lúc thì mở được cửa nên đi vào bên trong. Bị cáo lấy điện thoại bật đèn soi xung quanh để kiểm tra thì thấy ngăn tủ gỗ bên phải bàn làm việc đang khoá, bị cáo liền dùng tô vít cây mở được tủ rồi để chiếc tô vít trên mặt bàn làm việc. Thấy bên trong tủ có một túi có 03 cọc tiền mệnh giá 200.000 đồng và một cọc tiền mệnh giá 500.000 đồng, bị cáo liền lấy toàn bộ tiền trên cho vào túi quần bên phải, rồi đóng cửa, đi theo đường cũ trèo ra ngoài. Khi đi bộ ra bờ hồ trung tâm thị trấn Bát Xát, bị cáo gọi điện thoại thuê xe taxi đi về nhà trọ. Khi về đến nhà trọ bị cáo kiểm tra tổng số tiền trộm cắp được tại phòng làm việc của anh Vũ Văn S là 90.000.000đ(*Chín mươi triệu đồng*) số tiền này bị cáo đã dùng để trả nợ một phần và tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ 2: Khoảng 21 giờ 30 ngày 20/4/2023, bị cáo đang ở nhà trọ tại xã Tả Phời, thành phố Lào Cai thì tiếp tục nảy sinh ý định trộm cắp tài sản tại Phòng Tài chính kế hoạch huyện Bát Xát. Bị cáo liền mang theo 01 chiếc tô vít có cán nhựa màu đen rồi thuê xe taxi đi lên trung tâm thị trấn Bát Xát. Đến khoảng 00 giờ 15 phút ngày 21/4/2023, bị cáo đi bộ đến trụ sở phòng Tài chính - kế hoạch và trèo lên tầng 2 theo đường cũ như lần trộm cắp ngày 21/4/2023. Khi vào hành lang tầng 3, bị cáo thấy tại bộ phận Ngân sách có để một chiếc két ở gần cửa sổ nhưng cửa bị khoá nên không vào bên trong để trộm cắp được. Bị cáo tiếp tục đi đến phòng anh Vũ Văn S rồi dùng tô vít mang theo cây cửa rồi đi vào phòng lục tìm tài sản. Khi mở ngăn tủ treo quần áo sát tường bên phải thì thấy bên trong có một bao lì xì màu đỏ để ở bên trái ngăn tủ, bên trong nhiều tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng bị cáo liền lấy tiền cất vào túi quần bên trái rồi bỏ lại lì xì trong tủ. Bị cáo tiếp tục mở ngăn kéo bên trái bàn làm việc thì phát hiện bên trong có một cục tiền mệnh giá 500.000 đồng bị cáo cầm cục tiền cho vào túi quần bên trái. Thấy bên trái bàn làm việc có để một chiếc cặp da màu nâu, bị cáo liền mở kiểm tra thì thấy ngăn trong cùng của cặp có 07 chiếc phong bì, bên trong các phong bì đều có tiền nên bị cáo lấy cả 07 chiếc phong bì cho vào túi quần sau bên phải. Sau khi lấy được số tài sản nêu trên, bị cáo thuê một chiếc taxi để đi về nhà trọ. Khi về đến nhà trọ bị cáo mang số tiền vừa trộm cắp được ra đếm thì thấy: Trong bao lì xì lấy được ở trong tủ quần áo là 2.000.000đ(*Hai triệu đồng*); số tiền lấy được trong ngăn kéo bàn làm việc là 35.000.000đ(*Ba mươi lăm triệu đồng*); số tiền trong 07(*bảy*) phong bì là 14.000.000đ (*Mười bốn triệu đồng*). Tổng số tiền mà bị cáo lấy được trong lần trộm cắp này là: 51.000.000đ(*Năm mươi mốt triệu đồng*), số tiền này bị cáo đã dùng để trả nợ và tiêu xài cá nhân, số tiền còn lại 2.780.000đ(*Hai triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng*).

Quá trình bắt giữ Cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo: Số tiền là 2.780.000 đồng, gồm: 03 tờ mệnh giá 500.000 đồng; 05 tờ mệnh giá 200.000 đồng; 01 tờ mệnh giá 100.000 đồng; 03 tờ mệnh giá 50.000 đồng; 01 tờ mệnh giá 20.000 đồng; 01 tờ mệnh giá 10.000 đồng và 01 tua vít dài 13,5cm; 01 con dao bằng kim loại cán gỗ dài 26cm; 01 kìm cán nhựa màu đỏ, đen dài 21cm qua sử dụng; 01 máy hàn điện nhãn hiệu WELDCOM màu sơn đỏ đen có 03 dây kết nối từ máy hàn, một đầu dây phích nguồn dài 2,75 mét; một đầu dây dài 1,1 mét, 01 đầu dây gắn bulong dài 12cm, 03 dây có lõi kim loại sợi màu vàng, vỏ cao su màu đen; 01 mẫu que hàn dài KT 421 dài

7,5cm; 01 ba lô bằng vải màu đen, có 02 dây mặt trước có dòng chữ SPORT; 01 găng tay bằng vải màu đen; 01(một) hộp que hàn điện bóc dỡ, loại que hàn điện KT- 421, còn lại 130 que hàn còn nguyên vẹn, trên que hàn dòng chữ KT – 421; 01 quần vải dạng quần ngố cạp màu trắng đã qua sử dụng; 01 áo phông có cổ, cộc tay, tối màu đã qua sử dụng; 01 đôi dép nhựa màu ghi trên dép có dòng chữ FASHION đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57 màu đen, bên trong có số thuê bao 0365011316 đã qua sử dụng.

Cáo trạng số 39/CT-VKS BX ngày 16/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai đã truy tố bị cáo Lưu Công D về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận tội, lời nhận tội phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp là 141.000.000đ (*Một trăm bốn mươi mốt nghìn đồng*). Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với Lưu Công D về tội "*Trộm cắp tài sản*". Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo;

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01(một) tua vít dài 13,5cm; 01(một) con dao bằng kim loại cán gỗ dài 26cm; 01(một) kìm cán nhựa màu đỏ, đen dài 21cm; 01(một) mẫu que hàn dài KT 421 dài 7,5cm; 01(một) ba lô bằng vải màu đen, có 02 dây mặt trước có dòng chữ SPORT; 01(một) găng tay bằng vải màu đen; 01(một) hộp que hàn điện bóc dỡ, loại que hàn điện KT- 421, còn lại 130 que hàn còn nguyên vẹn, trên que hàn dòng chữ KT – 421; 01(một) quần vải dạng quần ngố cạp màu trắng đã qua sử dụng; 01(một) áo phông có cổ, cộc tay, tối màu đã qua sử dụng; 01(một) đôi dép nhựa màu ghi trên dép có dòng chữ FASHION đã qua sử dụng;

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57 màu đen, bên trong lắp 01 thẻ sim có số thuê bao 0365011316 đã qua sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng với khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 579; 580 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 38.220.000đ (*Ba mươi tám triệu hai trăm hai mươi hai nghìn đồng*).

Ngoài ra, tuyên án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi liên quan theo quy định theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Bị cáo Lưu Công D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại anh Vũ Văn S đã nhận lại tài sản bị trộm cắp là 102.780.000đ (*Một trăm linh hai triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng*), bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền còn lại 38.220.000đ (*Ba mươi tám triệu hai trăm hai mươi hai nghìn đồng*). Bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Người có quyền lợi liên quan: Chị Phạm Thị N không yêu cầu bị cáo phải trả số tiền 100.000.000đ(Một trăm triệu đồng) mà chị Nhung đã trả thay bị cáo cho bị hại anh Vũ Văn S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Điều tra viên, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, bị hại, người liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, kết luận định giá tài sản của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều thực hiện hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận do bị cáo lười lao động, muốn có tiền để tiêu sài cho bản thân, nên các ngày 21/3/2023; ngày 20/4/2023 và ngày 26/4/2023 bị cáo đã thực hành trộm cắp tài sản của anh Vũ Văn S với tổng số tiền là 141.000.000đ(Một trăm bốn mươi một triệu đồng). Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan, người làm chứng. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận hành vi phạm tội của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo biết rõ hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Nhưng do lười lao động, để có tiền tiêu sài cho bản thân bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo thật nghiêm khắc trước pháp luật, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, đồng thời lấy đó làm bài học cho công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát đề nghị tuyên bố bị cáo Lưu Công D phạm tội “ Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ điểm c Khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo mức án từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù. Xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Bát Xát, trong đó có 02 vụ trộm cắp trị giá tài sản bị cáo mỗi lần chiếm

đoạt đều trên 2.000.000 triệu đồng, nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi phạm tội trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tác động đến gia đình bồi thường cho bị hại số tiền 100.000.000đ(*Một trăm triệu đồng*); bị hại anh Vũ Văn S có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo có ông nội là Lưu Công X, năm 1951 đã tham gia dân công hỏa tuyến phục vụ cho chiến dịch Điện Biên phủ và năm 1952 tham gia quân dân du kích đánh chống càn tên CROTO do thực dân pháp chiến đóng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự mà bị cáo được hưởng.

[6] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy điều kiện hoàn cảnh kinh tế của bị cáo không có khả năng đề thi hành án nên không áp dụng thêm hình phạt bổ sung là phạt tiền với đối bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bát Xát đã tiến hành trả lại cho anh Vũ Văn S số tiền là 2.780.000đ(*Hai triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng*) là tiền bị cáo trộm cắp của bị hại, bị thu giữ khi bị bắt. Sau khi bị bắt bị cáo đã tác động gia đình và chị Phạm Thị N(là vợ của bị cáo) đã bồi thường cho bị hại số tiền 100.000.000đ(*Một trăm triệu đồng*). Tổng số tiền bị hại đã nhận lại là 102.780.000đ(*Một trăm linh hai triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng*). Bị hại anh Vũ Văn S yêu cầu bị cáo bồi thường tiếp số tiền còn lại 38.220.000đ(*Ba mươi tám triệu hai trăm hai mươi hai nghìn đồng*). Xét thấy yêu cầu của bị hại là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 38.220.000đ(*Ba mươi tám triệu hai trăm hai mươi hai nghìn đồng*) là phù hợp với khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 579; 580 Bộ luật Dân sự.

[8] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra thu giữ: 01(một) tua vít dài 13,5cm; 01(một) con dao bằng kim loại cán gỗ dài 26cm; 01(một) kìm cán nhựa màu đỏ, đen dài 21cm; 01(một) mẫu que hàn dài KT 421 dài 7,5cm; 01(một) ba lô bằng vải màu đen, có 02 dây mặt trước có dòng chữ SPORT; 01(một) găng tay bằng vải màu đen; 01(một) hộp que hàn điện bóc dỡ, loại que hàn điện KT- 421, còn lại 130 que hàn còn nguyên vẹn, trên que hàn dòng chữ KT – 421; 01(một) quần vải dạng quần ngắn, cặp màu trắng đã qua sử dụng; 01(một) áo phông có cổ, cộc tay tối màu đã qua sử dụng; 01(một) đôi dép nhựa màu ghi trên dép có dòng chữ FASHION đã qua sử dụng và 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57 màu đen, bên trong có số thuê bao 0365011316 đã qua sử dụng. Đây là công cụ dùng vào việc phạm tội, vì vậy cần tịch thu tiêu hủy và sung vào ngân sách nhà nước là phù hợp với điểm a Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9] Đối với 01(một) tua vít có cán nhựa màu đen bị cáo khai đã mang theo dùng để trộm cắp tài sản ngày 21/4/2023 tại Phòng tài chính - Kế hoạch huyện Bát Xát,

sau khi thực hiện trộm cắp tài sản xong bị cáo đã vứt chiếc tua vít này xuống hồ thuộc tổ 4 thị trấn Bát Xát, huyện Bát Xát. Ngày 27/4/2023 Cơ quan điều tra đã tiến hành tìm kiếm tại khu vực bờ hồ thuộc tổ 4 thị trấn Bát Xát, huyện Bát Xát song không thu giữ được.

Đối với chiếc kết sắt: Quá trình điều tra xác định chiếc kết sắt mà bị cáo đã dùng máy hàn cắt phá tại phòng làm việc của bộ phận Ngân sách thuộc Phòng tài chính – Kế hoạch huyện Bát Xát, là tài sản riêng của cá nhân bà Vũ Thị Tuyết A, nhưng chiếc kết này đã bị hỏng, không có giá trị sử dụng, bên trong không có đồ vật, tài sản gì. Bà Vũ Thị Tuyết A không yêu cầu định giá và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với chị Phạm Thị N là người đã mượn chiếc máy hàn điện của anh Đinh Vinh Q giúp bị cáo. Tuy nhiên, chị N không biết bị cáo đã dùng máy hàn điện để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên cơ quan không đề cập xử lý.

Đối với chiếc máy hàn điện chị N mượn của anh Đinh Vinh Q, khi cho N mượn anh Đinh Vinh Q không biết bị cáo đã dùng máy hàn điện để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Ngày 27/7/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả cho anh Đinh Vinh Q 01(một) máy hàn điện nhãn hiệu WELDCOM màu sơn đỏ đen có 03 dây kết nối từ máy hàn, một đầu dây phích nguồn dài 2,75 mét; một đầu dây dài 1,1 mét, 01 đầu dây gắn bulong dài 12cm, 03 dây có lõi kim loại sợi màu vàng, vỏ cao su màu đen đã qua sử dụng.

[10] Về án phí: Do bị cáo bị kết án nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1.Về tội danh: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Lưu Công D phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2.Về mức phạt: Xử phạt bị cáo Lưu Công D 04(bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/4/2023.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng với khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 579; 580 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Vũ Văn S số tiền 38.220.000đ(*Ba mươi tám triệu hai trăm hai mươi hai nghìn đồng*).

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, c Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01(một) tua vít dài 13,5cm; 01(một) con dao bằng kim loại cán gỗ dài 26cm; 01(một) kìm cán nhựa màu đỏ, đen dài 21cm; 01(một) mẫu que hàn dài KT 421 dài 7,5cm; 01(một) ba lo bằng vải màu đen, có 02 dây mặt trước có dòng chữ SPORT; 01(một) găng tay bằng vải màu đen; 01(một) hộp que hàn điện bóc dỡ, loại que hàn điện KT- 421, còn lại 130 que hàn còn nguyên vẹn, trên que hàn dòng

chữ KT – 421; 01(một) quần vải dạng quần ngố, cặp màu trắng đã qua sử dụng; 01(một) áo phông có cổ, cộc tay tối màu đã qua sử dụng; 01(một) đôi dép nhựa màu ghi trên dép có dòng chữ FASHION đã qua sử dụng;

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57 màu đen, cũ, đã qua sử dụng và không kiểm tra hoạt động của máy, bên trong lắp 01(một) thẻ sim có số thuê bao 0365011316.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 47 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lưu Công D phải chịu 200.000đ(*Hai trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 1.911.000đ(*Một triệu chín trăm mười một nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(*Đã ký*)

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai (1);
- TAND tỉnh Lào Cai (1);
- VKSND huyện Bát Xát (1);
- Phòng hồ sơ CA huyện Bát Xát(1);
- Trại tạm giam (1);
- Bị cáo (1);
- Bị hại (1);
- Người có QLNV LQ (1);
- THADS huyện Bát Xát (1)
- HS THA HS (1);
- Sở TP tỉnh Lào Cai(1);
- Lưu văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ (1).

Nguyễn Thị Thúy Hằng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thúy Hằng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai (1);
- TAND tỉnh Lào Cai (1);
- VKSND TP. Lào Cai (1);
- Công an TP. Lào Cai (1);
- Phòng hồ sơ CATPLC (1);
- Trại giam (1);
- Bị cáo (1);
- Bị hại(1);
- THA DS TP. Lào Cai (1)
- HS THA HS (1);
- Sở TP tỉnh Lào Cai(1);

Nguyễn Thị Thúy Hằng

- Lưu văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ (1).

